

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-ST
Ngày: 05-01-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Long.
2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Mộng Cẩm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2022/TLST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Lương Văn N, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: Xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Trung O, sinh năm 1935 và bà Trần Thị L, sinh năm 1935 (đã chết); Anh chị em ruột có 08 người, lớn nhất sinh năm 1955, nhỏ nhất sinh năm 1975; Sống chung như vợ chồng với Huỳnh Thị Mỹ X, sinh năm 1982; Con Lương Thị Yến N, sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 26 tháng 8 năm 2022 cho đến nay.

Bị hại: ông Lương Hoàng N, sinh năm 1985 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2/. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1963 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Đường Nguyễn Thị Minh K, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người làm chứng: Ông Ngô Công N, sinh năm 1982 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án bị cáo Lương Văn N thực hiện vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/02/2022, ông Lương Hoàng N, sinh năm 1985, nơi cư trú ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh là chủ sở hữu 03 xe cải tiến loại xe sản xuất, lắp ráp trái quy định thuê Trần Văn B, sinh năm 1974, nơi cư trú ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Thạch V, sinh năm 1994, nơi cư trú thành phố T, tỉnh Trà Vinh và Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, nơi cư trú ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh điều khiển 03 xe cải tiến trên lưu thông trên đường giao thông nông thôn đoạn thuộc ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì bị Tổ tuần tra Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện C đón dừng và tạm giữ 03 xe cải tiến. Ngày 28/02/2022 Công an huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Văn B, Thạch V và Nguyễn Văn T mỗi người 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng), hình thức phạt bổ sung là tịch thu tang vật vi phạm.

Ngô Công N, sinh năm 1982, nơi cư trú ấp P, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là bạn bè quen biết với Lương Hoàng N, biết vụ việc 03 xe cải tiến của ông Lương Hoàng N bị xử phạt và tịch thu nên nói lại cho Nguyễn Thanh S, sinh năm 1976, nơi cư trú thành phố T, tỉnh Trà Vinh biết vì cho rằng ông S có thể nhờ người giúp Lương Hoàng N lấy xe vi phạm. Sau khi gặp và nghe Lương Hoàng N nói lại việc bị tịch thu xe thì Nguyễn Thanh S điện thoại cho bị cáo Lương Văn N với nội dung nhờ bị cáo N lấy xe vi phạm dùm cho Lương Hoàng N thì bị cáo N đồng ý và hẹn gặp mặt để trao đổi trực tiếp.

Vào khoảng 09 giờ ngày 14/3/2022, Nguyễn Thanh S, Lương Hoàng N, Ngô Công N gặp bị cáo Lương Văn N tại quán cà phê L thuộc thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh để nói chuyện. Tại đây, Lương Hoàng N nói lại việc xe vi phạm bị Công an huyện C tịch thu cho bị cáo Lương Văn N nghe. Bị cáo Lương Văn N nói dối là có mối quan hệ rộng, chắc chắn sẽ giúp Lương Hoàng N lấy được xe vi phạm trong vòng một tuần, tiền công lấy xe là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)/chiếc, 03 chiếc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), Lương Hoàng N tin tưởng nên đồng ý. Bị cáo Lương Văn N yêu cầu Lương Hoàng N đưa trước số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), do N không mang theo đủ số tiền N yêu cầu nên đưa trước cho Lương Văn N 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), không có làm biên nhận. Số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) còn lại bị cáo N yêu cầu N đưa cho Nguyễn Thanh S để Nguyễn Thanh S đưa lại cho Lương Văn N thì N đồng ý, tất cả ra về.

Vào khoảng 12 giờ ngày 14/3/2022, Lương Hoàng N điện thoại cho Nguyễn Thanh S hẹn gặp tại quán cà phê V trên đường Nguyễn Đ nối dài thuộc thành phố T, tỉnh Trà Vinh để giao số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) như đã thỏa thuận, đến khoảng 12 giờ 30 cùng ngày thì Lương Hoàng N có mặt và giao số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho một người phụ nữ không rõ họ tên địa chỉ, giới thiệu là người thân của Nguyễn Thanh S được Nguyễn Thanh S nhờ đến lấy tiền.

Sau khoảng 01 tuần do không lấy được xe như đã thỏa thuận, Lương Hoàng N điện thoại thúc giục thì bị cáo Lương Văn N đưa ra lý do 03 xe vi phạm của Lương Hoàng N đã bị tịch thu nên phải mua lại dưới hình thức bán đấu giá. Bị cáo Lương Văn

N thỏa thuận lại với Lương Hoàng N tiền lấy 03 chiếc xe là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), trong đó tiền mua hồ sơ dự thầu là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) và tiền công là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) thì Lương Hoàng N đồng ý, Lương Văn N cho số tài khoản của mình để Lương Hoàng N chuyển tiền.

Quá trình chuyển tiền như sau: Ngày 13/4/2022 Lương Hoàng N đến Ngân hàng B Chi nhánh tỉnh Trà Vinh nộp vào tài khoản cá nhân của bị cáo Lương Văn N số 65210001044571 mở tại Ngân hàng B Chi nhánh M, thị xã B, tỉnh Bình Dương số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); Ngày 23/4/2022 Lương Hoàng N nộp vào tài khoản trên của bị cáo Lương Văn N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) qua dịch vụ chuyển tiền thuộc Tập đoàn công nghệ viễn thông Q, địa chỉ Nguyễn Đ, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; Ngày 06/5/2022 Lương Hoàng N tiếp tục chuyển số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) vào tài khoản của bị cáo N qua dịch vụ Viettel Pay pro tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Như vậy, sau 05 lần giao tiền mặt và chuyển khoản, Lương Hoàng N đã đưa cho bị cáo Lương Văn N tổng số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Sau nhiều lần chuyển tiền nhưng không lấy được xe vì phạm nên Lương Hoàng N liên tục yêu cầu bị cáo Lương Văn N giao xe như đã thỏa thuận thì hai bên xảy ra mâu thuẫn, do không liên lạc được với bị cáo N nên Lương Hoàng N viết đơn tố cáo với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Lương Văn N.

Tại Bản cáo trạng số: 66/CT-VKS-HS, ngày 28/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Lương Văn N về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lương Văn N hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại quán cà phê L, tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo Lương Văn N đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối là có mối quan hệ quen biết và sẽ giúp ông Lương Hoàng N lấy được 03 xe cải tiến vi phạm bị tịch thu với số tiền giao dịch là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Sau đó, bị cáo Lương Văn N tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là phải mua hồ sơ đấu thầu đối với 03 xe cải tiến nói trên và thỏa thuận lại số tiền giao dịch là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nên Lương Hoàng N tin tưởng và đồng ý, mặc dù bản thân bị cáo Lương Văn N hoàn toàn không có khả năng thực hiện được như đã hứa. Sau 05 lần giao dịch bao gồm giao tiền mặt và chuyển khoản, bị cáo Lương Văn N đã chiếm đoạt của ông Lương Hoàng N tổng số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng), gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Vì đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn N từ 03

năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26/8/2022.

Ngoài ra, Bị cáo còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Qua quan điểm của Bị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lương Văn N, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Bị đại diện Viện kiểm sát và bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa ông Lương Hoàng N là bị hại; ông Nguyễn Thanh S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Ngô Công N là người làm chứng, tất cả đều vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và lệnh bắt bị can để tạm giam, biên bản khám nghiệm hiện trường. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Lời nhận tội của bị cáo Lương Văn N tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Lương Văn N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với qui định của pháp luật, không oan, không sai.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe tham gia lao động

tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình nhưng bị cáo không làm được việc này, bản thân bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, không muốn làm mà muốn hưởng thụ đã thúc đẩy bị cáo từng bước dần sâu vào con đường phạm tội. Cụ thể vào ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại quán cà phê L, tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo Lương Văn N đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối là có mối quan hệ quen biết và sẽ giúp ông Lương Hoàng N lấy được 03 xe cải tiến vi phạm bị tịch thu với số tiền giao dịch là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Sau đó, bị cáo Lương Văn N tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là phải mua hồ sơ đấu thầu đối với 03 xe cải tiến nói trên và thỏa thuận lại số tiền giao dịch là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nên Lương Hoàng N tin tưởng và đồng ý, mặc dù bản thân bị cáo Lương Văn N hoàn toàn không có khả năng thực hiện được như đã hứa. Sau 05 lần giao dịch bao gồm giao tiền mặt và chuyển khoản, bị cáo Lương Văn N đã chiếm đoạt của ông Lương Hoàng N tổng số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng), gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, bản thân bị cáo nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ bản chất tham lam, tự lợi, muốn có tiền nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Trong vụ án này bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, lần phạm tội này bị cáo tìm mọi thủ đoạn gian dối mục đích nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại, thuộc thành phần khó giáo dục, luôn xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương và gây hoang mang trong đời sống nhân dân.

Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tạo điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 75.000.000 đồng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo có thân nhân tham gia cách mạng, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do đó ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lương Hoàng N đã nhận đủ số tiền 75.000.000 đồng khắc phục hậu quả, không yêu cầu gì thêm, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Nguyễn Thanh S: Do tin tưởng bị cáo Lương Văn N có khả năng giúp Lương Hoàng N lấy xe vi phạm nên giới thiệu Lương Hoàng N với bị cáo N. Giữa bị cáo N và Nguyễn Thanh S khai nhận cả hai không có sự bàn bạc để chiếm đoạt tiền của Lương Hoàng N cũng như phân chia lợi ích. Kết quả điều tra xác định, vào ngày 14/3/2022 Nguyễn Thanh S có chuyển vào tài khoản của bị cáo Lương Văn N số tiền

8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), Nguyễn Thanh S trình bày số tiền này Nguyễn Thanh S cho bị cáo Lương Văn N mượn để tiêu xài cá nhân. Đối với người phụ nữ nhận tiền từ Lương Hoàng N vào trưa ngày 14/3/2022 thì Nguyễn Thanh S không thừa nhận là người thân do Nguyễn Thanh S kêu đến, Lương Hoàng N không xác định được họ tên, địa chỉ, đặc điểm nhận dạng nên không tiến hành làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thanh S là có cơ sở.

- Đối với Ngô Công N: Là người giới thiệu Lương Hoàng N gặp Nguyễn Thanh S rồi Nguyễn Thanh S tiếp tục giới thiệu Lương Hoàng N với bị cáo Lương Văn N nhờ lấy xe vi phạm. Bản thân Ngô Công N không tham gia bàn bạc hay nhận lợi ích vật chất gì từ bị cáo Lương Văn N. Hành vi của ông Ngô Công N không cấu thành tội phạm.

[5] Về xử lý vật chứng: Không có.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Lương Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lương Văn N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn N 03 (ba) năm tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 26/8/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Lương Hoàng N đã nhận đủ số tiền khắc phục hậu quả không yêu cầu thêm, nên không xem xét.

3. Về vật chứng: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Lương Văn N phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Lê Thị Trúc Linh